

Việt Luận Phỏng Vấn Tiến sĩ Phan Văn Song Chủ tịch Đại Việt Quốc Dân Đảng

Lời toà soạn: Ông Phan Văn Song du học và tốt nghiệp tiến sĩ Luật tại Pháp, lập gia đình với phụ nữ Pháp và giảng dạy tại Viện Khoa học Quốc tế (Pháp), giống như nhiều trí thức thời đó, ông bỏ hết tất cả những hạnh phúc cá nhân và quyết định trở về Việt Nam để đóng góp cho đất nước. Nhưng cũng bắt đầu từ đó cuộc đời của ông trải qua không biết bao nhiêu là những thăng trầm theo vận nước. Sau 75 ông ném mũ tù Cộng sản đến 4 năm, rồi trở về Pháp bắt đầu làm lại cuộc đời.

Điểm đặc biệt ở người đàn ông này là cho dù có gì xảy ra thì vẫn không bỏ hoài bảo ấp ủ từ lúc còn trẻ: đó là mong muốn một nước Việt Nam tự do và no ấm. Cho đến bây giờ mặc dầu tuổi đã cao ông vẫn đi đó đi đây vận động tự do và dân chủ cho Việt Nam.

Việt Luận(VL). Thưa ông, xin ông vui lòng cho độc giả Việt Luận biết qua vài nét về thân thế của ông. Theo chúng tôi biết, ông là người gốc gác ở Huế, mà sao ông nói giọng miền nam? Trong trường hợp nào ông gia nhập Đảng Đại Việt? Ảnh hưởng gia đình?

Phan Văn Song (PVS). Gia đình mình gốc gác ở Huế. Ông cụ bà cụ đều sanh quán tại Huế tỉnh Thừa Thiên. Hai ông nội ngoại đều làm quan Nam triều, ông nội quan võ, phó lãnh binh, cụ Lãnh Phan Văn Tiêu. Ông ngoại, quan văn, cụ Nghè Nguyễn Trọng Khải.

Ông cụ mình sanh năm 1917, thuở nhỏ chơi thể thao hay, đá banh giỏi nên vào năm 1940 được tuyển vào Sài Gòn đá cho Hội Ngôi sao Gia đình, đồng thời với trung phong Phan Văn Mỹ và tá vệ Waco. Ông cũng đá tá vệ, nên vì Waco quá nổi tiếng, nên ông không được vào hội tuyển Nam kỳ. Nhờ đá banh, ông làm việc cho Công ty thương xá Charner (nằm cạnh bùng binh trước tòa Đô chánh Sài Gòn ngày xưa).

Ông là một Đảng viên Đảng Đại Việt Quốc Dân Đảng. Ông được Đảng chỉ đạo mượn cơ hội ông vào Nam để lập cơ sở thành, làm đầu cầu ủng hộ các chiến khu Đại Việt, thoát đầu chống Nhật, khi Pháp trở lại năm 1946 chống Pháp, về sau chống Việt Minh (chiến khu An Điền, An Thành).

Vì vậy mình được sanh ra ngay trong sào huyệt Đảng, năm 1942, trong một gia đình đảng viên Đại Việt. Cơ sở, tên gọi là chi bộ Tùng Linh, toàn người gốc Huế, do

bí danh hai người lãnh đạo tạo thành (Tùng tự Phương là đồng chí Trần Thượng, giáo sư Pháp văn, - mất năm 1963 vì bị chế độ Ngô Đình Diệm sát hại – là người hướng dẫn phái đoàn ping pong Mai Văn Hòa đi dự thi đấu bóng bàn Paris – Mai Văn Hòa giết cúp Paris bóng bàn năm ấy - Linh là ông cụ mình), nằm ở cuối một con hẻm, sau đình Thành Công (hát bội) dựa vào con Rạch Thị Nghè, xóm Vạn Chài. Khu ấy nằm cạnh Chợ Tân Định, trên con đường Paul Bert, tức là Trần Quang Khải thời Việt Nam Cộng hòa mình.

VL. *Như vậy chắc ông phải có nhiều kỷ niệm về thời Đại Việt tổ chức trong Nam và hoạt động lúc bấy giờ? Nhưng lúc ấy, ông không đi học sao?*

PVS.: Đúng. Thuở nhỏ mình được các chú, các bác trong Đảng dạy cho mình học: Pháp văn với Trần Thượng, Trần Đỗ Cung (nay ngoài 80 tuổi, ngụ tại San José - Bắc Cali Hoa Kỳ), Việt văn với Nguyễn Ngọc Huy. Lúc bấy giờ đã là những năm 49/50 rồi, Đại Việt đã chính thức xuất hiện và tham chính với năm người vào Chánh phủ đầu tiên do Đức Quốc trưởng Bảo Đại vừa là Quốc trưởng vừa là Thủ tướng, (Quý ông Lê Thăng, Phan Huy Quát, Nguyễn Hữu Trí, ... và đặc biệt Nguyễn Tôn Hoàn, người đồng chí miền Nam có mặt ngay từ thuở ban đầu thành lập Đảng Đại Việt, cạnh Đảng trưởng Trương Tử Anh, giữ chức vụ Bộ trưởng Bộ Thanh Niên) Đại Việt Quốc Dân Đảng lúc bấy giờ đặt trọng tâm vào tổ chức Thanh Niên, lập một Trường Thanh Niên ở Nha Trang, và đặc biệt Thanh niên Bảo quốc đoàn do ông Đỗ Văn Năng làm thủ lĩnh. Ông Cụ mình lãnh trách nhiệm làm Thanh tra Bộ Thanh niên.

Thời ấy là thời huy hoàng của Đảng bộ miền Nam. Trụ sở ở rạp Chiếu bóng (Cinéma) Tân Định, nằm trên đường Paul Blanchy (Hai Bà Trưng sau này). Hai anh em tôi cùng Tùng Lâm (tức nghệ sĩ Tùng Lâm) ở ban Thiếu niên hát Việt Nam Minh Châu Trời Đông (Đảng Ca), Bạch Đằng Giang, Khỏe vì Nước, kèn Rạng Đông ... những khi sinh hoạt văn hoá.

Chúng tôi là một lũ con nít con của các đồng chí đàn anh, còn các chú kia đều chưa lập gia đình, hay có chăng thì cũng chưa có con: các chú Nguyễn Ngọc Huy, Hoài Sơn, Đỗ Kiến Nhiều, Nguyễn Văn Hữu, Dương Quang Tiếp, Dương Hiếu Nghĩa... Cả Bác sĩ Nguyễn Tôn Hoàn mà chúng tôi gọi là Bác Tư, tuy cùng tuổi với ông cụ tôi cũng có con, nhưng các em ấy hãy còn nhỏ.

Năm 50 hay 51 tôi không nhớ rõ, Bác Hai Năng (Đỗ Văn Năng, thủ lĩnh Bảo Quốc Đoàn) bị Việt Cộng sát hại trên góc đường d'Arfeuille – tên Việt Nam sau này có lẽ là Trương Công Định - với đường Mayer - Hiền Vương, trước khi đến Bộ Thanh niên. Vài tháng sau, tại Cai Lậy trong một cuộc duyệt binh, một cảm tử quân bạn quận phục Bảo quốc đoàn ôm lựu đạn tự sát cho nổ trước phái đoàn giết Tướng Chanson – Tham mưu trưởng quân đội viễn chinh Pháp và Thủ hiến Thái Lập Thành - về sau biết được là do quân của tướng Nguyễn Thành Phương thuộc lực

lượng Cao Đài chủ mưu. Bảo Quốc Đoàn vì vậy phải bị giải tán, các lãnh đạo phải rút vào bí mật. Bác sĩ Nguyễn Tôn Hoàn phải từ chức, nhưng nhờ Đức Quốc Trưởng can thiệp, gia đình phải tạm sống bằng cách mở một tiệm bán gạo ở trên đường Galiéni - Trần Hưng Đạo sanh sống qua ngày.

VL: Thưa ông, Đại Việt chống Tây mà tại sao lại có nhiều người làm sĩ quan trong quân đội lúc bấy giờ?

PVS: Ba tôi tên thật là Phan Văn Sướng, nhưng vì sanh hoạt trong Nam nên anh em thường gọi là Anh Ba Xướng. Anh Ba Xướng đang bị mật vụ Pháp lùng bắt vì là cán bộ chỉ huy Bảo Quốc Đoàn. Sẵn có chiến dịch Quốc gia Việt Nam kêu gọi nhập ngũ, Đàng ra lệnh các đảng viên nhập ngũ, ông cụ nhập ngũ khóa 5 trường Võ Bị Liên Quân Dalat (khóa Hoàng Diệu - thủ khoa là chú Sáu Dương Hiếu Nghĩa) cùng với rất nhiều đồng chí như các chú Tư Nguyễn Văn Hữu, chú Bảy Hồ Văn Phàng, Nguyễn Văn Tồn

Và ông cũng đổi tên, nay là Phan Văn Sương (bỏ dấu sắc), về sau ông bị thương nặng, mù mắt, anh em lại gọi ông là Sương mù. Âu cũng là cái điềm vì đổi tên không làm chề xôi cúng ông bà. Ông Sương Mù hay cụ Trung tá Phan Văn Sương (năm 1975) năm 1960, sáng lập trường Nam Sinh Mù Chợ lớn, đường Nhân Vị, hay Trần Hoàng Quân, góc Nguyễn Duy Dương, Chợ An Đông. Đó là một cơ sở giáo dục đầu tiên tại Việt Nam cho người khiếm thị. Trường trước 1975 đã có những em có bằng Tú tài có cả một em đang học Luật khoa thì mất nước. Trường nay vẫn còn hoạt động, cạnh bên trường cũ.

Trung tá Phan Văn Sương ngày 15 tháng 6 1975, cùng với các bạn quân cán chánh Việt Nam Cộng Hòa trình diện học tập. Ông học tập trại Long Thành một năm rồi được thả ra về.

VL: Ông và các em trai của ông, có bị đi học tập theo ông Cụ không?

PVS: Ba anh em trai chúng tôi, hai quân nhân và một dân sự, đều bị đi tập trung như bao nhiêu người khác: kẻ 9 năm, đũa 3 năm. Riêng phần tôi, không nguy quân, nguy quyền, cũng đi tù mất 4 năm.

Nhân đây, tôi xin nói thêm một chút về hoàn cảnh của tôi. Hoàn cảnh khá đặc biệt. Vợ tôi là người Pháp. Bà là nhon viên Sứ quán Pháp, hưởng chế độ ngoại giao, nên bà đã đảm nhiệm vai trò vừa con dâu, người vợ, người chị dâu đi thăm nuôi 4 người đi tù cải tạo, bằng xe hơi mang bằng số ngoại giao, tận các trại tù nằm trên rừng xanh. Dĩ nhiên vợ tôi đi cùng mẹ tôi, trên xe có tài xế và một nhon viên công an có giấy phép đi cùng.

Xe không được đến gần nhà tù, phải đậu xa và mẹ phải vát hàng đến công các nhà

tù. Vợ tôi chỉ được phép đến tận cổng nơi trại T20 (đường Phan Đăng Lưu) để thăm nuôi tôi thôi, ở các nơi khác phải ngồi chờ ở xe. Nhưng đó cũng là một cái đặc ơn lớn Công An Cộng sản dành cho một người ngoại quốc ở Ngoại giao đoàn Pháp. Nhờ vậy năm đầu tiên, mẹ tôi không đến nỗi cực khổ lắm. Về sau, vì các em tôi bị đi xa quá, đưa Long Giao, kẻ Suối Máu nên vợ tôi không được phép đưa mẹ đi nữa. Công An viện cớ nguy hiểm.

Cha tôi mất năm 1983, mẹ tôi 1990. Hai ông bà không bao giờ được đi khỏi Việt Nam, mặc dù có cô em út của chúng tôi, tỵ nạn ở Mỹ, bảo lãnh.

VL: Cảm ơn ông cho độc giả VL biết rõ rất chi tiết đời tư của ông, theo cách “thành thật khai báo”. Giờ đây, xin ông vui lòng cho biết qua những giai đoạn học vấn, tiến thân của ông

PVS:. Mình nghĩ chẳng có điều gì cần phải dấu hết cả. Phơi bụng ra để nói chuyện với nhau không hay hơn sao?. Đây là những giai đoạn gian nan trong đời học sinh của mình. Mình xin kể dài dòng một chút Xin cảm phiền.

Sau khi ông cụ tốt nghiệp Võ Bị Liên Quân, ông cụ chọn phục vụ vùng Đệ tứ Quân khu. Ông cụ nhận nhiệm sở là Tiểu Đoàn Sơn Cước số 6 (6ème Bataillon Montagnard) đóng tại Ban Don, bà cụ cũng như các vợ của các sĩ quan lúc bấy giờ theo chồng. Hai anh em Song và Toàn đều được gọi vào Trường Thiếu Sinh Quân Dalat (Ecole des Enfants de Troupe de Dalat).

Trường tọa lạc ở Cité des Pics, cạnh sân Cù, sau này các cơ sở ấy được dùng để thành lập Trường Đại học Chánh trị Kinh Doanh Dalat. Chúng tôi, các Thiếu sinh quân, sinh hoạt theo qui chế quân sự tại trường, nhưng vì trường thuộc quân đội Pháp quản lý, ngôn ngữ thông dụng là tiếng Pháp, nên các Thiếu sinh quân đều được gọi đi học văn hóa ở Trường Lycée Yersin. Ban Tiểu học ở Petit Lycée – trên đường đi đến Couvent des Oiseaux và Thác Cam Ly (cho những ai biết Dalat). Còn Trung học, Grand Lycée, ở đường đi Nha Địa dư và cạnh nhà Ga xe lửa.

Năm 1954, Quân đội Pháp rút, trường Enfants de Troupe phải dọn về Pháp, các Thiếu sinh quân, hoặc đi Pháp (nếu là Pháp kiều) hoặc nếu muốn tiếp tục, phải về Vũng tàu (gốc Việt Nam) hoặc bỏ trường. Hai anh em chúng tôi vì quyết tiếp tục học chương trình Pháp, và vì cha mẹ nghèo, nên thi học bổng của Bộ Ngoại Giao Pháp. Tôi được học bổng vào nội trú Trung học, tức Grand Lycée Yersin. Em tôi đậu vào nội trú Petit Lycée. Chúng tôi bắt đầu cuộc sống mồ côi địa dư ở Dalat.

Năm 1961, tôi đậu Tú tài 2 Philosophie, chương trình Pháp. Nhưng vì muốn học Y khoa hay Dược khoa để đi Quân Y hay Quân Dược, có lương bổng, tôi phải ghi học PCB (dự bị Y khoa, Physique, Chimie, Biologie), nên tôi phải thi luôn bằng Tú tài 2 ban Toán, chương trình Việt Nam, để được ghi danh.

Năm 1955, ba tôi bị thương nặng ở trận đánh ở Rạch Cái Cái, Đồng Tháp Mười, với quân Ba Cụt (chiến dịch Nguyễn Huệ), mù mắt. Sau một năm nằm bệnh viện Cộng Hòa, ông xin chánh phủ Việt Nam và được chánh phủ Pháp đài thọ, gởi sang Pháp chữa mắt. Không chữa được, ông học nghề giáo sư huấn luyện người mù, mẹ tôi được đi theo để dẫn dắt ông. Chúng tôi lại càng mò côi địa dư. Suốt năm ở Dalat, chỉ có hè về ở cùng cậu mợ tôi, sĩ quan Không quân khi Nha trang khi Đà Nẵng. Nhờ học bổng (của Pháp) nên suốt những năm tháng ấy hai anh em chúng tôi được yên tâm học hành.

Năm 1961, đang học Đại Học Dược ở Sài Gòn, tôi hay tin có cuộc thi tuyển (2 chỗ) vào trường Sciences Politiques Paris, Pháp (Khoa học Chánh trị). Tôi thi đậu và nhận được học bổng của trường Sciences Politiques Paris để đi học ở Pháp.

Năm đầu, 1962, vì khí hậu, vì thiếu ăn, tôi bị nám phổi, phải đổi về một thành phố ẩm áp hơn. Tôi về Toulouse, một tỉnh Miền Tây Nam. Vì phải giữ học bổng, tôi phải cố gắng học. Năm 1964, tôi ra trường Sciences Politiques (Khoa học chánh trị) Toulouse, Pháp. Năm sau, tôi đỗ Cử Nhon Luật. Tiến sĩ Luật Công Pháp Quốc tế và Chánh trị học năm 1971.

Tôi cũng cố gắng bổ túc thêm văn hóa với một Cử Nhon tự do về Văn chương với năm chúng chỉ về Sử ký, Địa dư, Địa lý Chánh trị, Xã hội học và Tâm lý học. Cử nhon Văn chương Tự do vì không theo một chuyên khoa nào cả. Nhưng cũng nhờ vậy tôi được đi dạy Sử Địa tại các trường Trung học bốn năm liền sau khi đã xữ dụng hết học bổng Khoa học Chánh trị (3 năm đầu). Sau khi đậu hai Cao học chuyên nghiệp (Khoa học Quốc tế – Etudes internationales và Khoa học Quản trị các Xí Nghiệp – Administration des Entreprises) tôi được tuyển vào làm giảng viên Viện Khoa học Quốc tế.

Nhờ vậy suốt thời gian sanh viên tôi lúc nào tôi cũng có hoặc học bổng hoặc việc làm. Suốt quá trình học vấn tôi luôn luôn được bảo trợ. Cả luận án của tôi cũng được hoàn toàn các xí nghiệp bảo trợ, vì chuyên về Tổ chức Hàng Không và Luật Hàng Không.

Tôi gặp Chantal năm 1966, cưới nàng năm 1967 và sanh Phan Văn Song, Lang Cyril 1969, cuối năm Mậu Thân. Lang Cyril và vợ là Maddly tặng cho chúng tôi năm cô và hai cậu cháu nội.

Năm 1971, tôi được tuyển đi làm giáo sư phó ban Chánh trị học ở Đại học Sherbrook – Quebec – Canada. Đại học Sherbrook mới vừa được thành lập, Ông khoa trưởng là bạn thân với ông Giáo sư Chủ nhiệm luận án của tôi, cần một phó ban chuyên Chánh trị học. Tôi được thầy thương giới thiệu, lương bổng cao, đời sống sung túc, vợ tôi vừa đỗ xong Cử Nhon Anh Văn cũng được đề nghị có việc

ngay. Nhưng khi hỏi ý kiến gia đình, hai ông bà buộc tôi phải về phục vụ đất nước và gia đình.

VL: Ông có cơ hội sanh sống ở ngoại quốc. Hơn nữa, ông có vợ là người Pháp. Đời sống ở ngoại quốc thích hợp hơn. Tại sao ông lại lấy quyết định về nước? Vì vâng lời cha mẹ hay vì lòng ái quốc?

PVS.: Thật tình lúc ấy, tôi lưỡng lự vô cùng. Gia đình buộc tôi phải về. Thôi thì tôi khăn áo ra về. Cũng nói thêm, việc học hành của tôi, một phần do năng khiếu trời cho, tánh tình tò mò, thích nghiên cứu đọc sách, đọc báo cập nhật tình hình chánh trị kinh tế thế giới, một phần có trí nhớ lạ lùng học hành quá dễ dàng, học luật chỉ cần đi nghe thầy giảng, về nhà chép sạch những gì đã ghi, cuối năm chỉ cần đọc lại để ôn thôi là bài đã in vào trong óc. In đến nhớ cả vết mực, vết dơ trên trang giấy. Lúc này quá lục tuần rồi nên trí nhớ có kém đi.

Tôi đi học Khoa học Chánh Trị, một phần, đây là một dịp để đi Tây, không tốn tiền cha mẹ, mà còn lời nữa. Tôi chỉ sống với một nửa học bổng thôi và gởi phân nửa kia dành lại để giúp gia đình, nuôi các em đi học (sau em Toàn tôi 8 năm, ba mẹ tôi sanh thêm hai đứa em nữa). Thời ông Diệm cho đi du học những ai ghi danh vào những bộ môn không có dạy ở Việt Nam. Khi cha tôi nghe Khoa học Chánh trị ông liền bảo, môn ấy chú Ba mây đang học đấy.

Chú Ba đây là chú Ba Nguyễn Ngọc Huy, người lãnh tụ tương lai của Tân Đại Việt, của Phong trào Quốc gia Cấp Tiên (lúc ấy là năm 1961). Tôi qua Pháp năm đầu, thường đến Quán Sông Hương – la Rivière des parfums – quán của Bác sĩ Nguyễn Tôn Hoàn - chạy bàn cùng chú Ba. Hai anh Tiến sĩ Chánh trị Học tương lai, kẻ ở lớp luận án, mở đường cho kẻ ở lớp cử nhon. Những năm sau chỉ gặp Bác Tư và chú Ba ở những dịp thỉnh thoảng lên Paris chơi. Sau 1963 hai ông về Sài gòn tham chánh như quý vị đã biết. Tôi lấy thêm chuyên khoa Quốc tế Công Pháp vì Ba tôi muốn “con phải học giống chú Bông” (Giáo sư Thạc sĩ – agrégé d’enseignement supérieur - Nguyễn Văn Bông).

Đối với Ba tôi, người đảng viên Đại Việt, tôi đã được may mắn đi học thì phải ráng nói nghiệp các chú đã đi trước. Ngày nay khi được anh em đồng chí bầu vào chức vụ Chủ tịch Đại Việt Quốc Dân Đảng, đó chỉ là lãnh nhiệm vụ thôi.

VL: Thế là ông lên đường về nước thật?

PVS. Phải. Tôi về nước. Trước nhứt, làm vui lòng cha mẹ. Cũng như bao nhiêu du học sanh khác, tôi được tạm hoãn dịch 6 tháng để tìm việc làm. Cha tôi hành diện có đưa con Tiến sĩ dốt đì giới thiệu tùm lum. Giới thiệu cả đến Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, nhưng vì tôi không apply xin việc gì cả, nên chẳng có ai “đoái hoài” đến tôi. Hay thiên hạ “chờ một cái gì”. Cái gì với một anh Trung tá Mù, không phe cánh,

phe đảng?. Đảng Đại Việt, lúc bấy giờ, vừa bị cái tang Giáo sư Nguyễn Văn Bông vừa bị sát hại, không muốn thí chột thằng nhỏ, ra lệnh thằng nhỏ không được xuất đầu lộ diện, dấu kín tung tích để dành ngày mai.

VL: Với bằng cấp trong tay còn mới toanh, ông có xin việc làm không? Ông nhắm vào ngành nào? Có gặp trở ngại không vì lúc bấy giờ chiến tranh Việt Nam đang ở cao điểm?

PVS: Tôi apply vào trường Đại học Luật khoa, apply vào Việt Nam Thương tín. Ở đâu cũng bị ma cũ ăn hiếp dài dài: “Em phải ráng biết anh biết em, không thì quai chảo sẽ cài lên áo em”. Nghĩa là em phải biết chịu chơi với đàn anh không thì đến kỳ quân dịch sẽ khó có giấy hoãn dịch đó. Đã vậy thì phải theo vậy.

Tôi bèn trình diện Trung tâm 3, không chờ đủ 6 tháng, và xin đi thụ huấn 9 tuần cơ bản quân sự, mong được “biệt phái giáo chức” về Đại học Luật. Vốn thuộc diện B “bất phục tòng”, lý do là khi đã xin hoãn dịch về học vấn để đi du học (năm 1961), khi đậu cử nhơn (1965), đáng lý tôi phải về trình diện lại để xin tiếp tục hoãn dịch để học tiến sĩ, tôi không làm nên ngày nay tôi phải ở đơn vị tác chiến.

Người ta muốn cho tôi đi tác chiến, thì tôi xin tác chiến. Tôi bèn ghi danh tình nguyện phục vụ đơn vị dù, và được chấp thuận, vì thế tôi có bằng dù (năm sauts ngày một saut đêm - thụ huấn với Đại tá Vinh năm 1972). Năm 1972, kẹt Mùa Hè Đỏ lửa nên 9 tuần kể từ Tết 1972 đến tháng 7 tôi mới được trả về Đại học.

VL: Thế là ông có việc làm ở Đại học?

PVS: Không. Không chịu nổi đồng lương quá thấp nên tôi xin đi làm ở ngoài. Tôi xin làm với Tín Nghĩa Ngân Hàng và được chấp nhận. Tôi được ông Nguyễn Tấn Đồi trọng dụng, cho tôi làm Phó Giám Đốc Trung Ương, Giám Đốc chi nhánh Đồng Khánh. Tôi phục vụ Ông Nguyễn Tấn Đồi và đã gặp một ông chủ rất khôn ngoan, chịu chơi và đầy tánh người.

Tất cả những ý kiến sáng tạo để phục vụ khách hàng, phát triển Ngân hàng đều được ông chủ khuyến khích và tạo điều kiện cho làm việc. Tôi đóng góp những ý kiến khá táo bạo lúc bấy giờ ở Việt Nam về nghề Ngân hàng. Vì không học nghề Ngân hàng nên tôi không bị gò bó bởi những tập tục Ngân hàng, tôi sử dụng những phương pháp tiếp thị vừa học được ở Cao học Quản trị xí nghiệp Pháp. Ở Pháp những năm 70 bắt đầu áp dụng những phương pháp của Mỹ về quản lý thị trường... trong khi đó ở Việt Nam mặc dù đã có mặt quân đội Mỹ, nhưng ngành ngân hàng vẫn còn nặng kiêu của Pháp, thời thuộc địa.

VL: Rồi tại sao, cơ hội nào, ông vào hãng nước ngọt BGI?

PVS:. Tháng Tư 1973, vì chánh trị ông Đồi và Tín nghĩa Ngân hàng bị đóng cửa. Ông Đồi, thân hữu và nhóm lãnh đạo đi tù. Tôi nhờ thủ kỹ, sổ sách trong sạch, xin bãi nhiệm và được hãng BGI (công ty La ve Larue, la ve 33, nước đá, và nước ngọt Con Cọp) tuyển dụng. Tôi vì biết Marketing nên được tuyển vào để tổ chức Sở Marketing. Để được như vậy tôi đi nhanh qua làm chánh sở Nước Đá, chánh sở Phân phối vùng biên Sài gòn. Cuối năm 1974, tôi tổ chức hoàn tất sở Marketing.

Tôi được gọi đi Tân Tây Lan (New Zeland) để Hãng Mac Cann & Ericson, dạy chương trình Marketing và quảng cáo Coca Cola. Về nước, tôi trách nhiệm chương trình marketing của Coca Cola và Fanta, và về sau đảm nhiệm chương trình toàn bộ BGI. Tôi nhắm trong tương lai tôi sẽ là Giám Đốc Marketing và Thương mại. Việc làm thú vị, lương bổng cao.

Tôi là người Việt Nam đầu tiên của Hãng có chức vụ Giám Đốc. Tôi vẫn giữ tình trạng nhơn viên Đại học Luật, tôi không có giờ dạy, nhưng sẵn sàng hướng dẫn các em làm Luận án, đi gác thi, hoặc chấm bài. Lương tôi (khoảng 40 ngàn đồng Việt Nam, xin gửi lại trường để trường mua sách cho sanh viên).

VL: Khi nào ông làm Viện trưởng Đại Học Minh Trí của Tân Đại Việt? Xin ông cho biết vài nét căn bản của Đại Học này.

PVS:. Từ khi tôi đi lính về, tôi cảm thấy phải làm một cái gì để đóng góp cho Việt Nam. Tôi bèn bàn với ông đàn Anh trong Đảng là Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy. Có nên tổ chức một Trường loại Business School hay Ecole de Commerce của Pháp cho Sài gòn hay không? Liệu có sinh viên theo học không? Có đáp ứng được cho tình hình xã hội kinh tế đất nước không? Một loại trường để dạy những nhơn viên thực hành và điều hành công việc, có tinh thần trách nhiệm, một thứ tinh thần leader kiểu Âu Mỹ.

Ở Việt Nam lúc ấy đã có tất cả những trường dạy hiểu biết và kỹ thuật cả rồi (Văn khoa, Luật khoa, Dược khoa, Kỹ thuật Phú thọ, Kinh Doanh Dalat. . .) nhưng thiếu một loại trường có chương trình ngắn hạn trong 2 năm đào tạo những nhơn viên loại cán sự ngân hàng, các cơ sở thương mại. Ra trường, sinh viên có thể nhập cuộc và làm việc được ngay. Việt Nam không cần Tiến sĩ hay Cử nhơn. Việt Nam đang thiếu Cán sự. Giáo sư Huy nghe qua lấy làm thích và giao ngay cho tôi lãnh vai trò thực hiện những ý kiến của tôi đề xuất. Về mặt phát triển Đảng còn gì đẹp hơn là tôi sẽ có nhiều học trò làm việc ở khu tư doanh, trong lúc thầy Huy và thầy Bông đã có nhiều học trò của khu Hành chánh.

VL: Xin ông thuật lại cho độc giả VL biết qua về hoạt động của Đại Học Minh Trí.

PVS:. Trường do tôi làm Viện trưởng kiêm Khoa trưởng với thành phần giáo sư hùng hậu bởi ba vị Tiến sĩ Gs Nguyễn Ngọc Huy, Gs Nguyễn Văn Ngôn và Phan Văn Song khai mạc niên khóa đầu tiên 1974 – 1975 để cuối cùng chết yểu cùng Đất nước. Giấc mơ ngày mai Việt Nam có tự do, tôi mong làm lại một Business School. Những gì Việt Nam Cộng hòa thiếu thốn Việt Nam ngày nay càng thiếu thốn hơn.

Vợ tôi năm 1974, cũng thi đậu vào ngạch Công chức Bộ Ngoại giao Pháp, thuộc ngành Lãnh sự. Cái may là giấy bổ nhiệm nhiệm sở đầu tiên là Sài Gòn ngày 1 tháng Năm 1975. Đó cũng là cái rủi mà cũng là cái may.

VL: Vậy sau 30 tháng 4, ông tiếp tục làm việc ở Hãng BGI? Ông có gặp những bất trắc với Việt Cộng không?

PVS:. 30 tháng Tư 1975, vợ tôi không được rời Sài Gòn vì phải trình nhiệm sở mới ngày 1 tháng Năm. Tôi không được rời BGI vì trước đó khoảng ba tháng, khi Ban Mê Thuật vừa thất thủ, một phái đoàn Pháp do một Thượng Nghị sĩ (Paul d'Ornano) qua gặp tất cả các tư bản Pháp, thương gia Pháp kiều và nhơn viên Việt Nam các cơ sở tư doanh bảo lệnh của tổng Thống Pháp Valéry Giscard d'Estaing phải bằng mọi giá giữ các cơ sở tư doanh Pháp. Pháp sẽ có vai trò xây dựng lại Việt Nam. Sẽ dùng Sài Gòn, Vùng Đồng bằng sông Cửu long của Việt Nam Cộng Hòa để làm đòn bẩy xây dựng lại Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam (lãnh thổ thuộc miền Trung) và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tôi thuộc hàng Giám đốc và đã là Giám đốc thương mại từ hôm Tết 1975.

30 tháng Tư BGI thuộc K9 và bị quản lý bởi chế độ quân quản. Sau một tháng Ban Tổng giám cảm thấy không ổn, bèn bàn với tôi là phải làm nhẹ gánh hát, để dễ bề tiến thoái. Ban Tổng Giám đốc đề nghị tôi làm Fondé de Pouvoir (người Nhận toàn quyền quản lý). Tôi bèn đề nghị lại là hãy Việt Nam hóa toàn Hãng BGI. BGI không còn quốc tế (I = internationale) cũng chẳng còn Đông Dương nữa (I = Indochine) mà chỉ còn Vietnam nhỏ thôi (I = i như năm i thôi) và hãy tạo một nhóm Giám đốc bộ ba, để khi có mệnh hệ nào (tôi gần như chắc chắn phải có mệnh hệ nào). Bộ ba (triumvirat = tam đầu chế) là đề nghị nâng anh Thủ quỹ và anh phó nhà máy lên hàng Giám đốc và cùng tôi tổ chức một Ban Giám đốc Quản lý đại diện cầm quyền từ Trung ương ở Pháp. Các nhơn viên người Pháp phải được di tản để khỏi phải bị hostages (đối với hãng và cả đối với nước Pháp, vì Pháp kiều).

Sơ đồ ấy được chấp thuận. Tôi còn cẩn thận, khuyên Ban Tổng Giám Đốc giao chữ ký cho anh Nguyễn Ngọc Lý và gọi vai trò của anh là Ông Đại Quyền, tên không giống ai, nhưng tình hình cũng không giống ai. Anh Nguyễn Ngọc Lý, cựu phụ tá Giám Đốc Tài chánh, Thủ quỹ, trưởng ban kế toán, nay là Đại quyền trách nhiệm khỏi Tài Chánh Hành Chánh. Anh Nguyễn Ngọc Quang, Giám Đốc trách nhiệm

khối Sản Xuất gồm Nhà Máy Sản Xuất La ve Chợ lớn, các nhà máy nước ngọt Bến Vân Đồn, Cần Thơ và các nhà máy nước đá Hai bà Trưng và Chợ Quán, và Phan văn Song Giám Đốc trách nhiệm Khối Khai thác, nghĩa là tất cả hệ thống thương mại và về sau vì tình hình không giống ai nên trách nhiệm cả vấn đề đi mua hàng nguyên nhiên liệu để sản xuất.

Từ nay nghĩa là bắt đầu Tết 1976, bộ ba Giám đốc toàn người Việt Nam, cá nhon tôi nhờ có bà vợ đảm nhon viên Sứ quán Pháp (toàn Ban Sứ quán cũ của Đại sứ Mérillon bị đui đi – bà xã vì nhờ giấy nhậm nhệm sở đề ngày 1 tháng Năm năm 1975, nên thuộc Toà Đại sứ mới, nhờ vậy bà lãnh chức vụ Đại diện Ngoại Giao trong vòng tuần lễ đầu, bà bảo đảm cả ông xếp lớn của bà là ông Đại sứ Mérillon. Sau một tuần Tòa Đại sứ Pháp tại Hà nội quản lý sứ quán Sài gòn và Lãnh sự quán Sài gòn. Bà xã chỉ còn là một Chánh sở của Lãnh sự quán Sài gòn thôi) nên vai trò của tôi là ra vào Sứ quán, sử dụng telex của sứ quán báo cáo với Paris và hàng tuần vẫn gửi thư liên lạc với Paris qua diplomatic ponch (valise dilomatique).

Năm 1976 Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ra đời, Việt Nam thống nhất, cả nước bầu quốc hội. Và qua tháng Bảy 1976, Hãng BGI bị quốc hữu hóa, họ gọi là quốc doanh vì ngày vào Sài gòn tất cả đất nước Miền Nam đã bị Quốc hữu cả rồi, chỉ có dân Sài gòn và ba ông chủ Tây của tui không biết thôi. Ngày 25 tháng 6 tôi được gọi lên Phòng quản lý người nước ngoài ở đường Võ Tánh, nhận giấy xuất ngoại, nghĩa là tôi bị trục xuất. Trong lúc thiên hạ mơ được xuất ngoại trốn chế độ, Việt Nam trục xuất tôi. (Cũng nực cười lúc xưa thời chiến tranh, thiên hạ mơ xuất ngoại du học trốn lính, ba mẹ tôi biểu tôi về - ngày nay ai cũng muốn dọt, Việt Nam lại đui tôi đi). Tôi phải lo một lô giấy tờ mà tôi không dự bị, nào là giấy thiếu thuế, thiếu ngân hàng, ... nói tóm những gì gọi là thủ tục.

Ngày 7/7/76, sanh nhật thứ 34 của tôi, tôi đã sẵn sàng giấy tờ và bắt đầu bàn giao vì ngày 9/7/ 76 tôi phải rời nhậm sở. Tôi làm việc ở BGI đúng 3 năm (tôi nhập hãng ngày 9/7/73 với chức vụ Chánh sở nước đá, nay tôi là Giám Đốc thương mại, tôi thay nhậm sở và chức vụ nhanh đến đời Sở Nhon viên không thuộc chức vụ của tôi). Bàn giao xong chiều 8/7, ngày 9 vào Sở Nhon Viên làm giấy tờ và lãnh lương cú chốt.

Tôi nhất định không đi họp Công đoàn, không đi họp Tổ họp phố gì cả. Tôi là Ông chủ, tôi không bàn với ai cả ngoài ban Giám Đốc, và dĩ nhiên anh Quân quản. Tôi đi tù cũng đáng tội. Tôi vẫn tiếp tục mang giày, trong lúc cả nước đi dép. Đi xe, tôi ngồi băng sau chiếc Peugeot 504 máy lạnh của tôi, tài xế tôi vẫn mặc đồng phục tài xế, ghé xe tôi vẫn bọc vải trắng, tôi chỉ không mang cravatte thôi. Tôi vẫn thích hút cigare, và tiếp tục hút cigare (lúc ấy cigare rẻ hơn thuốc lá vì chẳng ai mua cả) Vợ tôi cần nhàn, tôi trả lời, tôi đâu có thay đổi thái độ, nếu họ muốn bắt, họ vẫn sẽ bắt tôi. Vì vậy tôi không đổi thái độ và cuộc sống, vì tôi cho đời là hèn. Sau 4 năm tù tôi còn 55 kilô, hết bệnh rung tay, nhịp còn 12/7 như trai tơ, nhưng bại một cái giò, và

rụng tóc, rụng hai cái răng.

Ngày 10/7 tôi lên máy bay (dĩ nhiên giấy nhập cảnh Pháp và laissez-passer Pháp vợ tôi đã làm sẵn cho tôi rồi) – check in xong hành lý đã gói, đang đi đến máy bay (lúc bấy giờ phải đi bộ ra máy bay rồi trèo thang lên phi cơ), một chiếc xe jeep ghé đến và mời ông PVS về Bộ Kinh tế làm việc và sẽ đi chuyến ngày mai. Chuyến ngày mai sẽ là chuyến ngày 6/6/1980, gần 4 năm sau.

Tôi được đưa về khách sạn Majestic ở phòng sang, có quạt máy, và bắt đầu làm việc, nghĩa là phải trả lời những câu hỏi vớ vẩn chả đâu vào cả, trên trời dưới biển kiểu BGI là gì, ai là ông chủ? Phần hùn của anh là bao nhiêu? Nói tóm lại câu hỏi câu giờ để chờ một quyết định gì. Trong khi đó vợ tôi đã biết tôi bị bắt rồi. Anh Pháp trưởng trạm Air France Sài gòn đã báo động Sứ quán Pháp và Sứ quán Pháp đã bắt đầu đặt câu hỏi. Cái ấy mới là cái kẹt của tôi: khi Sứ quán Pháp hỏi về tôi, anh Công An đình ninh tôi có quốc tịch Pháp. Họ vẫn cho tôi là người Pháp, và họ bắt tôi để khỏi trả lời cái tôi bội ước. BGI mất cơ sở thương mại vì anh Giám Đốc đã “lũng đoạn nền kinh tế xã hội chủ nghĩa bằng những phương pháp quản lý tư bản chủ nghĩa”

Chúng tôi bắt anh Giám Đốc này vì anh này có tội, bằng chứng là chúng tôi không bắt hai anh kia, một anh điều hành nhà máy, một anh giữ tiền. Anh này là Anh quản lý thực thụ nghĩa là Anh này mới là người trách nhiệm phá hoại nền kinh tế xã hội chủ nghĩa theo chỉ thị của các anh - nếu có. Nếu không có các anh phải chứng minh. Chúng tôi buộc lòng phải xiết tài sản của các anh.

Vợ tôi bắt đầu tốn tiền để đi dò hỏi xem tôi ở đâu? Sau ba tuần làm việc ở Majestic, ăn uống tương đối bình thường, cơm sáng nước mắm, trưa cơm canh rau, tối cũng thế, lâu lâu độ hai ngày hay ba ngày có một đĩa cá. Có khi ăn một mình có khi có cán bộ kinh tế đến làm việc. Tôi viết sơ đồ tổ chức BGI cỡ năm lần. Cắt nghĩa thế nào là một tập đoàn thương mại quốc tế cũng vào khoảng 5 lần, một lần thuyết trình cho 5/6 cán bộ khác nhau.

Tối 1 tháng 8 họ chở tôi về nhà, xét nhà tôi đọc giấy “tạm giam” tôi cho vợ tôi nghe, bảo vợ tôi sửa soạn hành lý cho tôi xa nhà một tuần. Từ nay tôi có quần lót áo lót để thay, có bàn chải và kem đánh răng (ở khách sạn tôi đánh răng bằng ngón tay và áo quần lót cùng sơ mi thay giặt trong phòng, quần tây khỏi giặt, vợ cũng không vì ở trong phòng đi chun không).

Vì đi về bất ngờ vả lại vợ tôi người Pháp nên không biết mùng và pyjama, tôi chỉ có hai bộ quần áo lót, hai bộ đồ mặc ngoài, hai cái mù-soa và đôi sandale, vợ tôi cũng bỏ theo một nải chuối, ba hộp paté heo, một cây thuốc 555 và một bao diêm, đi một tuần mà. Tôi ngu quá còn nói thôi em đưa vừa vừa vậy, chỉ có một tuần thôi mà, còn nếu ở thêm họ sẽ cho em tiếp tế thêm.

Thiệt nghèo mà ham, anh chàng cán bộ cũng nói theo giọng ơn nghĩa, chúng tôi sẽ đối đãi với anh tử tế. Tôi ngu tối nghĩ rằng cũng chả sao cả, ba tuần mình ở Hôtel Majestic mà, có chết thằng ma nào đâu? Theo luật “tạm giam” là có thời gian tánh. Mình là dân luật mà, Habeas corpus, Tây Æng Lê nó 24 giờ, 48 giờ, thằng Việt Cộng có láo lăm cũng hai ba tuần là phải ra thẩm phán, mình có tội phải ra Tòa. Mình là Thầy luật đây mà. Thế là tôi ra đi vào chỗ chết một cách bình thản. Vợ tôi nó khóc. Tôi còn nạt nàng bảo nàng phải giữ thể diện. Mình là dân trí thức mà, không được phô trương biểu diễn khóc lóc bậy bạ trước thiên hạ dzậy ! Tôi nghiệp sao lấy thằng chồng ngu dzậy !

VL: Ông đi tù thật sao? Và bao lâu? Có giống như những người đi học tập cải tạo không?

PVS. Tôi ở biệt giam trại Trần Hưng Đạo 3 tháng. Ở chung với các tứ chiến giang hồ, thuở ấy có một lô chiến dịch bắt giam: văn nghệ sĩ phản động, cuộc nổi dậy nhà thờ Vinh sơn, đánh Tư sản mại bản kỳ 2. Tôi sống cạnh các vị có tên tuổi nhà văn, nhà sư, nhà tu, học giả, trí thức, cựu công chức
Tôi viết tự kiểm cuộc đời tôi vào khoảng 20 lần, sơ đồ BGI cả gần một chục lần, bị hỏi xa luân chiến, sáng, chiều, khuya.

Trại T20, khu C1 phòng 7, rồi phòng 9, sau đó khu C2 phòng 5 cho đến ngày được “tạm thả”. Lâu lâu được đi du lịch lên An Khê trại lao động một tuần, đi làm củi (suýt chết), đi giải phóng Cam Bốt hai tuần, để cho biết là anh được chúng tôi ưu đãi.

VL: Như vậy ông đi tù cũng khá đầy đủ. Nếu Nhà cầm quyền cộng sản cấp bằng cấp cho những người ở tù thì ông cũng phải được văn bằng Tiến sĩ nữa? Nhưng tại sao ông được ở tù ngon lành vậy?

PVS.: Không có gì cả: Cát nghĩa cái quốc doanh hóa BGI bằng bảo tên Giám Đốc PVS lãnh hết một tội. Bằng chứng tội danh “âm mưu phá hoại nền kinh tế XHCN Việt Nam và âm mưu lũng đoạn thị trường”.

PVS phải là hostage. Bằng chứng gần một năm sau, khám phá ra là PVS không có quốc tịch Pháp. Sau khi PVS giận dữ trả lời câu nói muôn thuở “anh phải thành thật khai báo, những gì anh khai báo không qua mắt nhơn dân. Anh khai báo làm sao mà chánh phủ Pháp của Anh cũng không thềm lãnh Anh ra nữa!” Tôi giận quá nói “các Anh lúc nào cũng láo lếu, tai mắt nhơn dân nào, tai mắt nhơn dân gì? Tôi là người Việt Nam, quốc tịch Việt Nam, chánh phủ Pháp lãnh tôi ra phải trả giá với mấy anh.

Các anh bội ước ăn cắp tài sản của tư bản Tây. Các anh thềm đóp cái của nôi. Mấy

Anh bỏ mất cái của chìm. Ngày nay, cá nhơn Anh không biết chứ Trung Ương Cộng sản phải biết tiền viện trợ, nay chánh phủ Pháp đã dùng để bồi thường thiệt hại bị mấy anh đớp tài sản. Những gì ở Việt Nam là cái xác cái vỡ không mang đi được, tiền bồi thường là tiền mặt, tiền thiệt .

Hắn trả lời với tôi một cách giận dữ “Anh người Việt Nam thiệt sao? Sao anh không nói?”

- Tôi mặt Việt Nam, nói tiếng Việt Nam, tại sao tôi phải khai báo tôi là người Việt Nam? mà mấy anh có bao giờ hỏi tôi là Việt Nam đâu?.

Mất mặt nên họ cho tôi ở thêm 3 năm nữa. Nhưng cũng nhờ thế, họ không bao giờ hỏi tôi có đi lính Việt Nam CH không? Cũng không nghĩ liên hệ giữa tôi và cha tôi, cũng quên ông Giáo sư Đại học.

Trong bài thân thể tôi, tôi chỉ nói cha tôi là thầy giáo hiệu trưởng Trường mù, tôi có học bổng đi Pháp du học, về nước làm BGI thôi.

VL: Ở tù suốt thời gian dài, ông có suy nghĩ gì như một bài học?

PVS:. Nghĩ rằng tội tôi làm Giám đốc BGI là to rồi họ quên việc khác. Cám ơn Chúa đã che chở tôi. Ở tù ở Việt Nam với CS thật là Chúa thương tôi, tôi được che chở qua bao nhiêu hiểm nghèo, và tôi được “Hiểu nhiều về con người Việt Nam và yêu người Việt Nam hơn”. Nếu tôi không bị tù tôi chỉ biết Việt Nam và yêu Việt Nam như tôi yêu xứ Pháp và con người Pháp vậy thôi.

Tôi ngày nay đấu tranh cho Nhơn quyền cho Tự do trở lại Việt Nam vì tôi mong thấy được một Việt Nam tiến bộ, người Việt Nam thoát cái cực khổ muôn thuở truyền kiếp.

Người Việt Nam xem cái nghèo cái khổ là văn hóa Việt Nam cổ truyền. Hình ảnh Em bé chần trâu ngồi mình trâu được xem là Việt Nam muôn thuở. Hình ảnh tát nước gầu sòng gầu đôi mà lấy đó làm hình ảnh quảng cáo Việt Nam thật là khốn nạn. Hình ảnh anh phu đập nước, hình ảnh dùng xe đạp, xe gắn máy, xe xích lô để chuyên chở công cộng là một hình ảnh kém văn hóa. Có mong xe hơi mới tâu được xe hơi. Có mong nhà ngói mới tậu được nhà ngói. Phải có văn minh bánh xe, chứ mãi mãi văn minh gánh, văn minh đội, thì không làm sao khá được?

VL: Ngày nay, nhìn lại thời gian qua, ông có cảm tưởng gì? Những suy nghĩ gì về cuộc đời?

PVS:. Tôi ra tù “tạm thả” nên quên không nhớ ngày. Từ ngày 2 tháng 8 1976 là ngày tôi vào cachot Trần Hưng Đạo, bị black out ngày tháng mất ngày tháng, tôi chỉ biết là ra sau ngày 1 tháng Năm 1980 Lễ Lao Động, vì trong Trại có nói đến lễ Lao Động. Sau đó tôi như là người được tỉnh dậy ở Pháp ngày 6 tháng 6 1980. Tôi thường nhớ ngày 6/ 6 vì ngày ấy ám ảnh tôi rất nhiều.

Bà vợ say mê theo Phật giáo Tây tạng. Bà kẹt trong ngành ngoại giao nên phải di chuyển nhiệm sở luôn. Đến một lúc, không biết tại sao, bà một hôm đề nghị với tôi là bà tìm cho tôi một người để lo đời sống cho tôi để bà an tâm theo đuổi cuộc sống nghề nghiệp và tu hành của bàø. Nghe qua, tôi ngỡ ngàng. Nhưng sau đó, bà quả quyết và quả thật, bà đã chuẩn bị cho tôi một người phụ nữ, giới thiệu với tôi. Và chính là bà vợ mà tôi ăn ở cho tới ngày nay, có với nhau 3 cậu trai ngoan, học giỏi. Bà vợ hiện tại của tôi tên Hélène, cưới nhau năm 85.

Không phải suy nghĩ. Đúng hơn, mình có những mơ ước về đất nước. Được sự may mắn sống ở ngoại quốc nhiều hơn ở Việt Nam, tôi mong Việt Nam phải biết nắm rõ vận mệnh của mình. Cái khổ của mình có thể vượt qua được, phải biết cầu tiến. Giới trí thức, nhà cầm quyền, những người biết yêu đất nước hãy cố gắng học cái giỏi của người ngoài. Phải có tinh thần trách nhiệm. Về giáo dục, phải chú trọng đến đức dục cho trẻ con. Học trò Việt Nam giỏi toán, nhưng giỏi toán mà không thực tiễn. Việt Nam nay có một catalog hoạn nạn xin các ÔNG làm business tình thương. Trẻ em mù, trẻ em cùi, tàn tật, mồ côi,... cần thương ai, loại nào, Việt Nam cũng có cả. Ông cầm quyền giàu có phải làm sao?

VL: Xin hỏi một câu hỏi tế nhị: ông bà chắc phải sống hạnh phúc?

PVS:. Phải. Tôi có may mắn là được các bà vợ đều thương, mà còn thương cả Việt Nam của tôi nữa. Bà Hélène là một phụ nữ Việt Nam thuần túy mới đúng. Một mẫu người phụ nữ miệt vườn vì bà chỉ biết chăm lo con cái, lo cho chồng, không bao giờ biết son phấn, xe sưa như phần đông phụ nữ Pháp ở tuổi của bà.

Tôi đi hàng tháng ở Huê kỳ, hoặc lên Paris cả tuần lễ, lúc nào bà cũng vui vẻ và ngầm chia sẻ với tôi những ưu tư, những mong ước của tôi. Nhưng nào bà có biết những ưu tư, những mong ước của tôi chẳng khác nào người đang muốn đôi đá vá Trời !

Bà vợ trước của tôi đã cưới vợ cho tôi. Bà hành xử theo văn hóa cổ Việt Nam. Tôi nghĩ các bà Việt Nam ngày nay cũng nên lấy trường hợp của bà vợ tôi mà áp dụng với ông chồng của mình thử xem ông chồng sẽ phản ứng ra sao? Xin chúc thành công.

VL: Xin thay mặt độc giả, VL cảm ơn ông. Và cũng xin được hẹn một dịp khác.

Nguồn:<http://www.freevietnews.com/audio2/index.php?subaction=showfull&id=1455176959&archive=&start from=&ucat=&>

www.vietnamvanhien.net